

Số: 79/CĐN

Đồng Nai, ngày 22 tháng 5 năm 2025

V/v chuẩn bị báo cáo công tác kiểm tra,  
giám sát của Công đoàn 6 tháng đầu  
năm 2025.

Kính gửi: Các CĐCS trực thuộc Công đoàn ngành Y tế.

Thực hiện Công văn số 91/UBKT-LĐLĐ ngày 21/4/2025 của Ủy ban kiểm tra Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai về việc chuẩn bị báo cáo công tác kiểm tra, giám sát của Công đoàn 6 tháng đầu năm 2025.

Để chuẩn bị báo cáo cho Ủy Ban Kiểm tra Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai về việc xây dựng báo cáo công tác kiểm tra, giám sát Công đoàn 6 tháng đầu năm 2025. Ban Thường vụ Công đoàn ngành Y tế đề nghị các CĐCS trực thuộc báo cáo công tác kiểm tra, giám sát của Công đoàn cơ sở 6 tháng đầu năm 2025.

Nội dung báo cáo cần đánh giá tình hình tổ chức cán bộ và kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Công đoàn cơ sở 6 tháng đầu năm 2025; nêu số liệu cụ thể và đánh giá việc thực hiện từng nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Công đoàn (có biểu mẫu phụ lục đính kèm); Đồng thời xây dựng chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2025.

Ban Thường vụ Công đoàn ngành Y tế đề nghị các Công đoàn cơ sở triển khai thực hiện. Báo cáo ngắn gọn có các biểu phụ lục số liệu kèm theo (số liệu từ 01/01/2025 đến 15/5/2025 và gửi về Thường trực Công đoàn ngành **trước ngày 10/5/2024**, đồng thời gửi vào email hoặc Zalo của Đ/c Đinh Thị Hiền: [dinghiencdn@gmail.com](mailto:dinghiencdn@gmail.com), để tổng hợp báo cáo Ủy ban kiểm tra Liên đoàn Lao động tỉnh./.

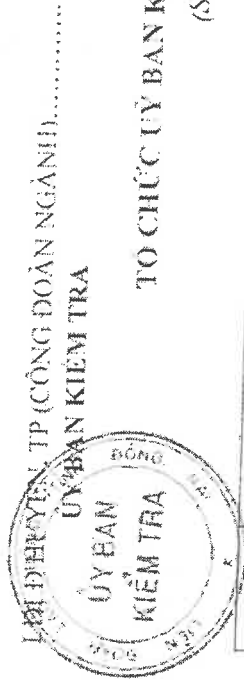
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BTV Đảng ủy Sở Y tế (báo cáo);
- BTV CĐN;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: CĐN.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH**



**Đảm Đức Chính**



Phụ lục số 1

**TỔ CHỨC ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN 6 TIÁNG ĐÀU NĂM 2025**  
(Số liệu báo cáo tính đến ngày 15/5/2025)

| TT        | Cấp công đoàn                      | Số lượng đầu mỗi công đoàn (đơn vị) | Số lượng đầu mỗi ủy ban kiểm tra (đơn vị) | Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra |                            |                                                   |
|-----------|------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------|
|           |                                    |                                     |                                           | Chuyên trách (người)             | Không chuyên trách (người) | Số người đã được bồi dưỡng nghiệp vụ UBKT (người) |
| I         | 2                                  | 3                                   | 4                                         | 5                                | 6                          | 7                                                 |
| I         | Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở |                                     |                                           |                                  |                            |                                                   |
| II        | Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn     |                                     |                                           |                                  |                            |                                                   |
| Tổng cộng |                                    |                                     |                                           |                                  |                            |                                                   |

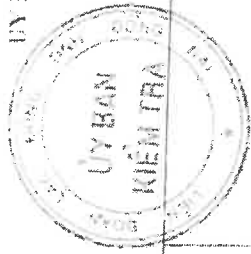
Ghi chú:

- Dòng 1, cột 3: là tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở gồm: LĐLĐ cấp huyện, CĐ ngành địa phương, công đoàn các KCN, CĐ cấp trên TTCS khác.  
Dòng 2, cột 3: là tổng số công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở trong hệ thống LĐLĐ huyện/CĐ ngành quản lý  
Dòng 1, cột 4: Là tổng số UBKT công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.  
Dòng 2, cột 4: Là tổng số UBKT cấp cơ sở (nơi có đủ điều kiện thành lập UBKT)  
Cột 5: Là CBCĐ chuyên trách làm toàn thời gian cho công tác kiểm tra, giám sát  
Cột 6: Là CBCĐ kiêm nhiệm công tác kiểm tra, giám sát





KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC SỬ DỤNG, QUẢN LÝ  
TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025  
(Số liệu báo cáo tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 15/3/2025)



| TT | Cấp công đoàn                                                                                         | Kiểm tra cùng cấp                  |                                |                                |                             |                                    |                            |                              |                             | Kiểm tra cấp dưới              |                             |                                    |                              |                            |     | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|----------------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------------|-----|-----------|---------|
|    |                                                                                                       | Số đơn vị quản lý hiện có (đơn vị) | Số đơn vị đã kiểm tra (đơn vị) | Truy nộp 2% KPCTĐ (triệu đồng) | Truy nộp 1% ĐP (triệu đồng) | T. nộp để ngoài số KT (triệu đồng) | Truy nộp khác (triệu đồng) | Tổng truy nộp (trích từ quỹ) | Số đơn vị kiểm tra (đơn vị) | Truy nộp 2% KPCTĐ (triệu đồng) | Truy nộp 1% ĐP (triệu đồng) | T. nộp để ngoài số KT (triệu đồng) | Truy nộp khác (trích từ quỹ) | Tổng truy nộp (triệu đồng) |     |           |         |
| 1  | 2                                                                                                     | 3                                  | 4                              | 5                              | 6                           | 7                                  | 8                          | 9=5+6+7+8                    | 10                          | 11                             | 12                          | 13                                 | 14                           | 15=11+12+13+14             | 16  | 17        |         |
|    | Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở                                                                    |                                    |                                |                                |                             |                                    |                            |                              |                             |                                |                             |                                    |                              |                            |     |           |         |
|    | Trong đó: số CPCTĐ ngoài NN hoặc có đồng CNLD được cấp trên kiểm tra số CPCTĐ được LDLD giao kiểm tra | X                                  | X                              | X                              | X                           | X                                  | X                          | X                            |                             |                                |                             |                                    | X                            |                            | (2) |           |         |
|    | Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn                                                                          |                                    |                                |                                |                             |                                    |                            |                              |                             |                                |                             |                                    |                              |                            |     |           |         |
|    | Tổng cộng                                                                                             |                                    |                                |                                |                             |                                    |                            |                              |                             |                                |                             |                                    |                              |                            | X   |           |         |

Cách nhân số liệu:

- Các ô đánh dấu X không điền số liệu
- Cột số 3: số liệu tại thời điểm 15/3/2025
- Từ cột 4 đến cột 16: số liệu tổng hợp từ 01/01/2025 đến 15/3/2025
- (1) - cột 10: tổng số CPCTĐ được LDLD Tỉnh giao kiểm tra \* %
- (2) - Cột 4 / cột 3 \* %
- (3) = cột 10 / tổng số CPCTĐ được LDLD Tỉnh giao kiểm tra \* %

